

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2026

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Quang Dưỡng và bà Lê Thị Kim Hoa.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Bích Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2026/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-DS ngày 20/4/2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Đình T, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố E, xã T, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2025 và ý kiến của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ án như sau: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Đình T yêu nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã H). Trong quá trình chung sống giữa bà và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn xảy ra giữa vợ chồng bà thường là những mâu thuẫn nhỏ nhưng quá nhiều lần và kéo dài quá nhiều ngày dẫn đến bà không còn tình cảm với ông T nữa. Nay bà D thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Đình T.

Về con chung: Bà D và ông T có hai con chung: cháu Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2011 và cháu Lê Đình H, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2014, hiện nay hai cháu đang ở cùng bà D. Khi ly hôn, bà D có nguyện vọng được

trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả 02 cháu N và H, bà không yêu cầu ông Lê Đình T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật cho ông Lê Đình T nhưng ông T không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 20/4/2026 Tòa án xét xử vụ án, ông T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã lập biên bản sự việc và hoãn phiên tòa án định thời gian mở phiên tòa lần 02 vào ngày 07/5/2026.

Ngày 06/5/2026 ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong đơn ông T có trình bày về ý kiến của ông về vụ án, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: ông T đồng ý ly hôn với bà D. Về con chung, vợ chồng ông có hai con chung: cháu Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2011 và cháu Lê Đình H, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2014, khi ly hôn ông đồng ý giao cả hai cháu cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị có ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: xử cho bà D được ly hôn với ông T; Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2011 và cháu Lê Đình H, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu ông Lê Đình T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: bà D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả công bố tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và bị đơn ông Lê Đình T theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 28 tháng 01 năm 2026, Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, nguyên đơn. Sau khi tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Ngày 28/01/2026, Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 03/3/2026 và tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự. Ngày 03/3/2026, Tòa án tổ chức phiên họp, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng ông Lê Đình T vắng mặt nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành

phiên họp công khai chứng cứ được có sự chứng kiến của bà . Ngày 03/3/2026, Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 2) vào ngày 18/3/2026. Ngày 18/3/2026, Tòa án tổ chức phiên họp lần 2 nhưng ông Lê Đình T vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có sự chứng kiến của bà . Ngày 18 tháng 3 năm 2026, Tòa án ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổng đạt hợp lệ cho ông và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 3) vào ngày 03/4/2026. Ngày 03/4/2026, Tòa án tổ chức phiên họp, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng ông Lê Đình T vẫn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được có sự chứng kiến của bà D. Ngày 03/4/2026, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa ngày 20/4/2026 ông Lê Đình T vắng mặt không lý do, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 và ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 07 tháng 5 năm 2026. Ngày 06/5/2026 ông T có đơn trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị Mỹ D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Đình T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã H) vào ngày 19 tháng 3 năm 2010. Xét thấy, hôn nhân của bà D và ông T đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà D và ông T có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc bà D xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà D cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng tính tình không còn phù hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, kinh tế gia đình đi xuống dẫn tới mâu thuẫn càng thêm sâu sắc. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Đình T sống ly thân với nhau từ ba năm nay. Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà D và ông T là vợ chồng nhưng ông bà không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, vợ chồng sống ly thân đã ba năm nay cho nên hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa ông T cũng đồng ý ly hôn với bà D. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn ông Lê Đình T.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Đình T có hai con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2011 và cháu Lê Đình H, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2014, hiện các cháu đang ở cùng bà D. Khi ly hôn bà D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu N và cháu H. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét ý kiến của các đương sự và Biên bản lấy ý kiến của cháu N và cháu H ngày 15/4/2026, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện cả hai cháu Lê Nguyễn Bảo N và cháu Lê Đình

H đều sinh sống cùng bà D, các cháu đều học tập ổn định trên địa bàn xã H. Nguyễn vọng của các cháu cũng muốn ở cùng bà D, ngoài ra công việc của bà D có nguồn thu nhập ổn định đã làm việc thâm niên nhiều năm có đủ khả năng tài chính chăm sóc tốt cho cháu N và cháu H. Do đó, để cháu N và cháu H được phát triển toàn diện, ổn định trong giai đoạn này Hội đồng xét xử nhận thấy cần xử giao cháu Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2011 và cháu Lê Đình H, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này theo quy định tại Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thị Mỹ D nộp đơn ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn ông Lê Đình T.

- Về con chung: Xử giao cháu Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2011 và cháu Lê Đình H, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000384 ngày 23/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (bà Nguyễn Thị Mỹ D đã nộp đủ phí ly hôn sơ thẩm).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 6 – Quảng Trị;
- PTHADS khu vực 6 – Quảng Trị;
- UBND xã Hiếu Giang;
- Công an xã Hiếu Giang, Triệu Phong;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Đăng Khoa